

Bản án số: 196/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19/11/2018

“V/v: Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Kim Liên**

Hội thẩm nhân dân : 1. Ông **Lưu Văn Có**

2. Bà **Nguyễn Thị Mộng Lành**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đào Minh Tuấn** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp Nha Trang tham gia phiên tòa: Bà **Lê Ánh Dương** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 924/2018/TLST-HNGĐ ngày 25/06/2018 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 222/2018/HNGĐST-QĐ ngày 12/10/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 131/2018/HNGĐST-QĐ ngày 30/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Đ** Sinh năm: 1970. Có mặt

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị O** Sinh năm: 1973. Vắng mặt

Đồng địa chỉ: Thôn T 1, xã L, thành phố T, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 13/06/2018 và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn ông Nguyễn Điều trình bày:

Giữa nguyên đơn, ông Nguyễn Đ và bị đơn là bà Nguyễn Thị O tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 1993, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện A, tỉnh Y. Từ khi kết hôn, gia đình ông sống hạnh phúc. Đến năm 2015, gia đình phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông làm nghề thợ sơn nước thường xuyên đi làm công trình, bà O ở nhà bỏ bê con cái lại còn quan hệ với người đàn ông khác. Ông đã khuyên can nhưng bà O không sửa đổi. Từ đó cho đến nay hai người đã ly thân, mạnh ai nấy sống. Nay ông không còn tình cảm với bà Nguyễn Thị O nên xin được ly hôn. Trong thời gian sống chung có ba con chung là Nguyễn Văn X, sinh ngày 02/12/1992; Nguyễn Văn X, sinh ngày 29/04/1996 (*trưởng thành*); Nguyễn Thị Hà M, sinh ngày 03/04/2012 ông đề nghị được nuôi cháu M, không yêu cầu bà Nguyễn Thị O cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị O đã được triệu tập hợp lệ để Tòa án lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa giải quyết việc ông Nguyễn Đ xin ly hôn nhưng bà Nguyễn Thị O cố tình vắng mặt, từ chối quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Căn cứ vào Điều 72, Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Đ và bà Nguyễn Thị O tự nguyện kết hôn vào năm 1993. Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19/93, Quyền số 02 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Y cấp ngày 13/08/1993. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống gia đình ông Nguyễn Đ, bà Nguyễn Thị O có hạnh phúc. Tuy nhiên, hiện nay nguyên đơn và bị đơn mâu thuẫn trầm trọng. Họ đã ly thân, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau. Như vậy, mục đích của hôn nhân không đạt được thì đời sống chung không thể kéo dài. Nay ông Nguyễn Đ yêu cầu được ly hôn bà Nguyễn Thị O là có cơ sở.

[2] Xét về con chung: ông Nguyễn Đ xác định trong thời gian sống chung có ba con chung là Nguyễn Văn X, sinh ngày 02/12/1992; Nguyễn Văn X, sinh ngày 29/04/1996 (*trưởng thành*); Nguyễn Thị Hà M, sinh ngày 03/04/2012, ông đề nghị được nuôi cháu M, không yêu cầu bà O cấp dưỡng nuôi con. Nguyên vọng của cháu M muốn ở với ba nên Hội đồng xét xử ghi nhận tiếp tục giao cho ông Nguyễn Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung theo các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Đ phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật HNGĐ năm 2014.
- Căn cứ vào Điều 72, Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTYQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Ông **Nguyễn Đ** được ly hôn bà **Nguyễn Thị O**.
 2. **Về con chung:** Giao cho ông Nguyễn Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là Nguyễn Thị Hà M, sinh ngày 03/04/2012.
- Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà Nguyễn Thị O

Bà Nguyễn Thị O được quyền thăm nom và chăm sóc con chung; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Đ phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí HNGĐ-ST nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Đ đã nộp theo biên lai số AA/2016/0009356 ngày 22/06/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Ông Nguyễn Đ đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hoà
- VKSND Tp. Nha Trang
- Chi cục THA Dân sự Tp Nha Trang.
- UBND X. T.H. A,
- Tỉnh Y (1993)
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Liên

